

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2022

"V/v Không công nhận vợ chồng"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Bé Hai.

Bà Nguyễn Thị Sương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Tuấn H, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp 9, xã Mỹ L, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: Ấp 7, xã Hòa L, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị G, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp 9, xã Mỹ L, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Hồ Tuấn H trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông H và bà G tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới, ông bà bắt đầu chung sống như vợ chồng từ khoảng tháng 6/1990 nhưng không có đăng ký kết hôn do đi làm ăn xa. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được khoảng 29 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bà Giử hay ghen, nghi ngờ ông có quen người phụ nữ khác ở bên ngoài, mâu thuẫn về

kinh tế do đó vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay. Nay ông H yêu cầu ly hôn với bà G.

Về con chung: Ông H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung gì khác.

- Bị đơn bà Phạm Thị G trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà G thống nhất với ý kiến của ông H đã trình bày về thời gian tìm hiểu, thời gian bắt đầu chung sống như vợ chồng và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, trong khoảng thời gian chung sống ông bà không có đăng ký kết hôn. Nay bà G đồng ý ly hôn vì xác định không còn tình cảm với ông H.

Về con chung: Bà G trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà G đồng ý tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà G được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Tam Bình được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà G được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà G là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Xét hôn nhân của ông H và bà G được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào tháng 6/1990 là thời điểm Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 có hiệu lực thi hành và theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 thì trong thời hạn hai năm kể từ ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 có hiệu lực ông H và bà G phải thực hiện việc

đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cho đến nay mặc dù đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên hôn nhân của ông bà là không hợp pháp do đó không công nhận ông H, bà G là vợ chồng phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 và khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông H và bà G xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông H, bà G yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông H và bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bà G không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Hồ Tấn H và bà Phạm Thị G là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông H, bà G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông H, bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc ông Hồ Tấn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông H được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 12/4/2022 theo biên lai thu số N<sub>0</sub> 0010680 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB thành tiền án phí. Ông H đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trương Minh Trường**